

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦY NGUYÊN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 22/2025/HNGĐ-ST
Ngày 23-01-2025
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦY NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Văn Sóng.

Bà Nguyễn Thị Lương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Bùi Mạnh Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 290/2024/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2024 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2025/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Đặng Minh M, sinh năm 1992; đăng ký thường trú: Phường C, quận H, thành phố Hải Phòng; Nơi ở hiện tại: Phường C, quận H, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- Bị đơn: Chị Bùi Thị H, sinh năm 1992; nơi cư trú: Xã L, thành phố T (xã L, huyện T), thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là anh Đặng Minh M trình bày (qua đơn khởi kiện và bản tự khai): Anh và chị Bùi Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Cát Bi, quận Hải An, thành phố Hải Phòng vào ngày 14/02/2019. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại phường Cát Bi,

quận Hải An, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống, vợ chồng hoà thuận, đến cuối năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn căng thẳng. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hoà hợp, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, không tin tưởng lẫn nhau về mặt tình cảm, kinh tế gia đình nên thường xuyên xảy ra cãi vã lẫn nhau. Do mâu thuẫn, nên chị H đã bỏ về nhà bố mẹ để sinh sống ở Thôn 2, xã Lại Xuân, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng từ tháng 11 năm 2019; vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, không còn quan tâm đến nhau nữa. Mâu thuẫn giữa vợ chồng giữa anh với chị H đã được hai bên gia đình và bạn bè khuyên giải nhưng không có kết quả. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng với chị H không còn nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị H. Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết việc giao người trực tiếp nuôi con, việc chia tài sản chung khi ly hôn vì anh và chị H không có con chung và không có tài sản chung.

Bị đơn là chị Bùi Thị H đã được Toà án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng và Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Chị H không có quan điểm, ý kiến của mình về việc anh M đề nghị ly hôn. Chị H không có mặt tại các các buổi làm việc và tại phiên toà.

Thông tin tại địa phương và của người thân anh M, chị H xác định quan hệ hôn nhân giữa anh M và chị H đúng với nội dung trình bày của anh M. Về tình cảm giữa anh M và chị H có mâu thuẫn.

Ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho anh Đặng Minh M ly hôn với chị Bùi Thị H; anh M có nghĩa vụ nộp án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án

Anh Đặng Minh M xin ly hôn với chị Bùi Thị H là vụ án hôn nhân gia đình về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị H là bị đơn, cư trú tại thành phố Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng nên Tòa án nhân dân thành phố Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng có thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc vắng mặt nguyên đơn và bị đơn

Anh Đặng Minh M là nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Chị Bùi Thị H được triệu tập hợp lệ đến phiên toà lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238

của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về nội dung yêu cầu khởi kiện

Anh Đặng Minh M với chị Bùi Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đủ điều kiện kết hôn và có đăng ký, được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chứng nhận kết hôn nên việc kết hôn giữa anh M và chị H là hợp pháp. Xuất phát từ mâu thuẫn vợ chồng, anh M và chị H đã sống ly thân từ tháng 11 năm 2019 đến nay. Xác định tình cảm vợ chồng với chị H không còn, anh M yêu cầu được ly hôn với chị H. Quá trình giải quyết vụ án, chị H không có mặt tại các buổi hoà giải, buổi làm việc và phiên toà, không có quan điểm, ý kiến của mình về việc anh M đề nghị ly hôn. Qua đó thể hiện, chị H không quan tâm đến tình cảm vợ chồng và không mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Điều này chứng minh hôn nhân giữa anh M và chị H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho anh M ly hôn với chị H.

[3.2] Anh M và chị H không có con chung; anh M và chị H không yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng nên Tòa án không giải quyết.

[4] Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm

Anh Đặng Minh M là nguyên đơn xin ly hôn nên phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho anh Đặng Minh M ly hôn với chị Bùi Thị H.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9

của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

- Anh Đặng Minh M phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Đối trừ với số tiền tạm ứng án phí đã nộp (theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010108 ngày 14 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủy Nguyên), anh Đặng Minh M đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND, VKSND TP. Hải Phòng;
- VKSND TP. Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS TP. Thủy Nguyên;
- UBND phường Cát Bi, Q. Hải An
(GCNKH số 09 ngày 14/02/2019);
- Lưu: VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quốc Phương